

Bản án số: 100/2023/HS-PT

Ngày: 06-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông

Bà Hoàng Thị Hải Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 104/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Trọng K, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Trọng K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2023/HSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: Phạm Trọng K, Tên gọi khác: Không; sinh năm 1996; Tại: Bắc Giang. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Số nhà 112, đường T, tổ 7, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 9/12. Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1968 và bà: Vũ Thị Y, sinh năm 1973. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1998 (đã ly hôn). Con: Có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2022; thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 27/12/2022. Hiện tại ngoại (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trọng K, sinh năm 1996 trú tại số nhà 112 đường T, tổ 7, phường T, thành phố B có quan hệ quen biết với anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1993, trú tại số nhà 403, đường M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. K đã nhiều lần thuê xe ô tô tự lái của anh T sau đó đều đem trả theo hợp đồng.

Khoảng 18 giờ ngày 06/5/2022, K gọi điện cho anh T hỏi thuê xe ô tô tự lái thì anh T đồng ý. Sau đó, K đến nhà anh T đặt vấn đề thuê xe ô tô của anh T để làm phương tiện đi lại và hẹn 3 ngày sau sẽ quay lại làm hợp đồng. Anh T đưa cho K chìa khóa xe và giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO KOUP biển kiểm soát 98A-388.62. Sau khi thuê xe ô tô, K điều khiển xe ô tô đi ra quận C, thành phố Hà Nội mua dụng cụ để cắt tóc. Đến ngày 09/5/2022, K nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-388.62 của anh T để lấy tiền chi tiêu. K điều khiển xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1995, trú tại số nhà 123, đường T, tổ dân phố 4, phường T, thành phố B đặt vấn đề bán chiếc xe ô tô trên với giá 300.000.000 đồng. K nói với anh H chiếc xe ô tô trên là của anh T, do anh T bận việc gia đình nên nhờ K mang xe đi bán. K hẹn anh H đến ngày 09/6/2022 sẽ cùng anh T đến Văn phòng Công chứng để hoàn tất thủ tục mua bán. Anh H đồng ý mua và đặt cọc trước 100.000.000 đồng. K viết biên nhận tiền cọc xe ô tô rồi giao cho anh H giữ đồng thời đưa cho anh H 01 Giấy kiểm định xe ô tô bản gốc; Giấy bảo hiểm xe ô tô bản gốc; Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Trọng K; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản photo công chứng. Anh H chuyển khoản cho K 40.000.000 đồng qua số tài khoản 2286666266666 của K mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Chị Đinh Thùy L, sinh năm 1996 là vợ anh H đã đưa cho K 60.000.000 đồng tiền mặt. Theo K khai đã sử dụng số tiền trên đi chuộc lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13pro max mà K đã cầm cố cho anh Phạm Khắc Anh T, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 2b, phường T, thành phố B hết 26.000.000 đồng; số tiền còn lại K sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 10/5/2022, anh T gọi điện yêu cầu K mang xe ô tô về trả và làm hợp đồng thuê xe ô tô thì K hứa hẹn sẽ đem xe về trả. Ngày 23/5/2022, anh T gọi điện cho K yêu cầu trả xe thì K nói đã đem xe ô tô đi cấm. Ngày 21/6/2022, anh T có đơn trình báo.

Anh Nguyễn Trung H không thấy K đến làm hợp đồng bán xe nên anh H đã cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang mượn xe ô tô. Anh Th gửi xe tại nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 ở thị trấn Đ, huyện L. Ngày 24/6/2022, anh Th đã giao nộp chiếc xe ô tô trên cho Công an thành phố B. Ngày 05/7/2022, anh H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy tờ xe ô tô BKS 98A-388.62 và 01 biên nhận tiền cọc xe ô tô đề ngày 09/5/2022.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Phạm Trọng K trên “Giấy biên nhận tiền cọc xe ô tô” đề ngày 09/5/2022 do anh H giao nộp.

Kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐG ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại CERATO KOUP, màu sơn đỏ, sản xuất năm 2009, biển số 98A-388.62; số

máy G4KD9H560071, số khung KNAFW612BA5178839, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá là 280.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 1386/KL-KTHS ngày 11/08/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A - trừ chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “Bên mua - H - Nguyễn Trung H) so với chữ viết mang tên Phạm Trọng K tại mặt sau trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

- Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận chữ ký mang tên Phạm Trọng K dưới mục “Bên bán” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Phạm Trọng K tại mặt sau trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) do chữ ký cần giám định và mẫu so sánh khác dạng.

Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Anh T và Nguyễn Trung H nhận dạng ảnh của Phạm Trọng K. Kết quả anh T và anh H nhận đúng ảnh K.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại anh Nguyễn Anh T chiếc ô tô BKS 98A-388.62 kèm theo giấy tờ xe; Giấy phép lái xe mang tên Phạm Trọng K được nhập kho vật chứng của để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Y là mẹ bị cáo K đã bồi thường cho anh Nguyễn Trung H 100.000.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Anh T 30.000.000 đồng tiền thuê xe. Anh T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Trung H mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-388.62 do K bán nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Trọng K đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trọng K 03 (Ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Ngoài ra bản án còn tuyên phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/02/2023 bị cáo Phạm Trọng K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Trọng K giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo trình bày án sơ thẩm xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, thành khẩn khai báo trong quá trình điều

tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, hiện nay là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, có bố mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang, Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương có cơ hội làm lại cuộc đời và chăm sóc con nhỏ, bị cáo hiện đang làm thợ sửa chữa ô tô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là đúng người đúng tội và không oan. Bản án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo 03 năm tù đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương quân kỳ quyết thắng của bà Vũ Thị Y (mẹ đẻ bị cáo); Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương quân kỳ quyết thắng, Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên của ông Phạm Văn T (bố đẻ bị cáo). Do bị cáo khai báo thành khẩn, bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra, bị cáo ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Trọng K, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trọng K 03 (Ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Phạm Trọng K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội làm lại cuộc đời, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tội danh: Ngày 06/5/2022, Phạm Trọng K hợp đồng thuê chiếc xe ô tô BKS 98A-388.62 trị giá 280.000.000 đồng của Nguyễn Anh T ở số nhà 403, đường M, xã T, thành phố B. K sử dụng xe ô tô làm phương tiện giải quyết công việc cá nhân. Đến ngày 09/5/2022, K đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Trung H, trú tại số nhà 123, đường T, tổ dân phố 4, phường T, thành phố B được 100.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trả lại cho người bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 14/02/2023 xét xử đối với bị cáo Phạm Trọng K về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp, đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình thể hiện qua việc bị cáo chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự và được tặng Giấy khen. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình bản sao Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương quân kỳ quyết thắng của bà Vũ Thị Y (là mẹ đẻ bị cáo), Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương quân kỳ quyết thắng, Bằng khen của ông Phạm Văn T (bố đẻ bị cáo). Do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và hiện đang nuôi 01 con nhỏ sinh năm 2018. Để đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục mà chỉ cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giáo dục bị cáo cũng có thể trở thành công dân tốt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Trọng K như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phạm Trọng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Trọng K, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trọng K 03 (Ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Trọng K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phạm Trọng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- STP tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- CA-VKS-TA-CCTHADS TP Bắc Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền

